

Số: **18** /2019/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 08 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 110/TTr-SNN ngày 23 tháng 7 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn với những nội dung sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản quy định tại Phụ lục III và điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số

điều của Luật An toàn thực phẩm có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký liên hợp tác xã do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp hoặc các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc dự án có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý các khu công nghiệp cấp;

b) Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với đối tượng thuộc diện cấp Giấy chứng nhận) cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

d) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý; hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra và đôn đốc địa phương các nội dung theo phân cấp tại khoản 2, 3 Điều này;

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn toàn tỉnh;

e) Đầu mối tham mưu tổng hợp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu các hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý;

g) Phân công, chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ theo các nội dung tại khoản a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này và quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

a) Quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản quy định tại Phụ lục III và điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, do cấp huyện, thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và tổ hợp tác; điểm c, d, đ khoản 1 Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định

phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với đối tượng thuộc diện cấp Giấy chứng nhận) cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

d) Tổ chức thực hiện theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định tại Điều 3, 4, 5, 6 và Điều 9 Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

đ) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý an toàn thực phẩm các nội dung theo phân cấp quản lý tại khoản 2 Điều này;

e) Tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn huyện, thành phố;

g) Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra và đôn đốc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện các nội dung theo phân cấp tại khoản 3, Điều này;

h) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu các hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn quản lý, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản) để tổng hợp báo cáo theo quy định;

i) Phân công, chỉ đạo, đôn đốc phòng chuyên môn theo các nội dung tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản 2 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

a) Quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản quy định tại phụ lục III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; điểm a, b khoản 1 Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện về công tác quản lý an toàn thực phẩm theo nhiệm vụ, đối tượng đã được phân cấp quản lý tại khoản 3 Điều này;

c) Tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 3, 4, 5, 6 và Điều 9 Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

d) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu các hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn, gửi về Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (qua phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, phòng Kinh tế thành phố) để tổng hợp báo cáo theo quy định.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2019.

2. Bãi bỏ Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành quy định phân công quản lý nhà nước về kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp; kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Công Thương, Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện,

thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- LĐVP;
- Ủy ban MTTQ tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, KTXDCB, NCPC (Hiện).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



